TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A
THÀNH PHỐ P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày 15-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Trần Thị Trúc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân quận A, thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố P tham gia phiên toà: Bà Phạm Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận A, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2024/ TLST- HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Hoàng Văn T; sinh ngày 26 tháng 8 năm 1999 tại thành phố P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X 2, xã X, huyện T, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng TH và bà Phạm Thị L; có vợ là Quàng Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 07/HSST ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố P xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội "Cố ý gây thương tích" (đã xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 20-3-2024 đến ngày 26-3-2024 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. Phạm Q; sinh ngày 29 tháng 01 năm 1998 tại thành phố P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã X, huyện T, thành phố P; chỗ ở: Số 8/25/67 Hoàng Quý, phường N, quận CH, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm ANH và bà Vũ Thị T; có vợ là Nguyễn A và có 01 con; tiền án,

tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20-3-2024 đến ngày 26-3-2024 chuyển tạm giam. Có mặt.

Người chứng kiến: Ông Lê Xuân NH, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 20-3-2024 tại nhà của Phạm Q, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Hoàng Văn T đến gặp, đề xuất với Phạm Q cùng thống nhất mỗi người góp 250.000 đồng, với tổng tiền là 500.000 đồng để mua ma tuý sử dụng. Quân mượn của chú ruột là Phạm Văn Tài 01 xe mô tô biển kiểm soát: 29V1-4052, rồi điều khiển xe mô tô chở T đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận CH, thành phố P. Quân đứng chờ ở ngoài, còn T đi bộ vào trong ngõ gặp và mua của 01 người phụ nữ không quen biết 02 túi nilon chứa ma túy đá (01 túi mép viền màu xanh,01 túi mép viền màu đỏ) với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất giữ ma túy tại lòng bàn tay phải đi bộ ra chỗ Quân đang đợi để Quân chở về. Trên đường đi, T cất giấu số ma túy đá trên vào trong miệng. Khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, T và Quân đi đến đoạn trước cửa nhà số 101 đường TR, tổ 4, phường H, quận A, thành phố P thì bị Công an phường H kết hợp tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trong miệng của của T 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng. Tổ công tác còn thu giữ của Quân 01 xe mô tô biển kiểm soát: 29V1-4052, sau đó đã trả lại cho ông Tài do không biết Quân sử dụng xe để mua ma túy.

Kết luận giám định số 337/KL-KTHS ngày 24-3-2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự CATP P: *Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 0,21 gam, loại: Methamphetamine* (bút lục số 57). Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy đối với Hoàng Văn T, Phạm Q đều dương tính với chất ma tuý Methamphetamine.

Bản Cáo trạng số 84/CT-VKSKA ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố P truy tố Hoàng Văn T, Phạm Q về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo khai NH các tình tiết vụ án phù hợp Cáo trạng; thừa NH các tài liệu trong hồ sơ vụ án là khách quan; thừa NH việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội danh, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Hoàng Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Phạm Q từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt bổ sung: Không phạt tiền do các bị cáo không có thu nhập ổn định. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao bì được niêm phong trong 01 bì thư dán kín, niêm phong. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử NH thấy như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, hoặc người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, hoặc người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bởi vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa NH toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản mở niêm phong lấy mẫu giám định và niêm phong lại, biên bản mở niêm phong và giao, NH đối tượng giám định, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 20-3-2024, tại khu vực trước cửa nhà số 101 đường TR, thuộc tổ 4, phường H, quận A, thành phố P, Công an phường H, quận A bắt quả tang Hoàng Văn T, Phạm Q cùng cất giữ trái phép 0,21 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích cùng nhau sử dụng cá nhân, nhưng không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Bởi vậy, Hoàng Văn T và Phạm Q đồng phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, làm ảnh

hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây T lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bởi vậy, cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hoàng Văn T và Phạm Q không phải chịu tình tiết theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã từng bị kết án, tuy được xóa án tích, nhưng cũng được coi là có nhân thân xấu. Bị cáo Quân phạm tội lần đầu. Các bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Các bị cáo đồng phạm tội giản đơn, cùng bàn bạc, góp tiền mua, cất giấu ma túy để sử dụng, nên cần áp dụng các điều 17, 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm. Bị cáo T là người đề xuất, trực tiếp mua, cất giấu ma túy, nên có vai trò cao hơn bị cáo Quân là người giúp sức. Trên cơ sở xem xét khối lượng ma túy, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt tù cao hơn đề nghị của Viện Kiểm sát, nhưng xử phạt bị cáo Quân mức hình phạt khởi điểm đề nghị của Viện Kiểm sát, bảo đảm trừng trị người phạm tội, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do không có căn cứ xác định tình trạng tài sản của các bị cáo, nên cần chấp NH đề nghị của Viện Kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần chấp NH đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng của vụ án là vật Nhà nước cấm lưu hành gồm: Toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định trong 01 phong bì thư niêm phong.

[9] Đối với người bán ma túy cho bị cáo, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Hoàng Văn T, Phạm Q đồng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

1. Hoàng Văn T 27 (hai mươi bẩy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Phạm Q 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: Số ma túy còn lại sau giám định cùng các vỏ bao bì được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín niêm phong số 337 MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố P. (Theo Biên bản giao NH vật chứng, tài sản ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa Cơ quan Điều tra Công an quận A và Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố P).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi NH:
- TAND TP. P;
- VKSND TP. P;
- Sở Tư pháp TP. P;
- VKSND quận A;
- Công an quận A;
- Chi cục THADS quận A;
- Bị cáo, đương sự;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh